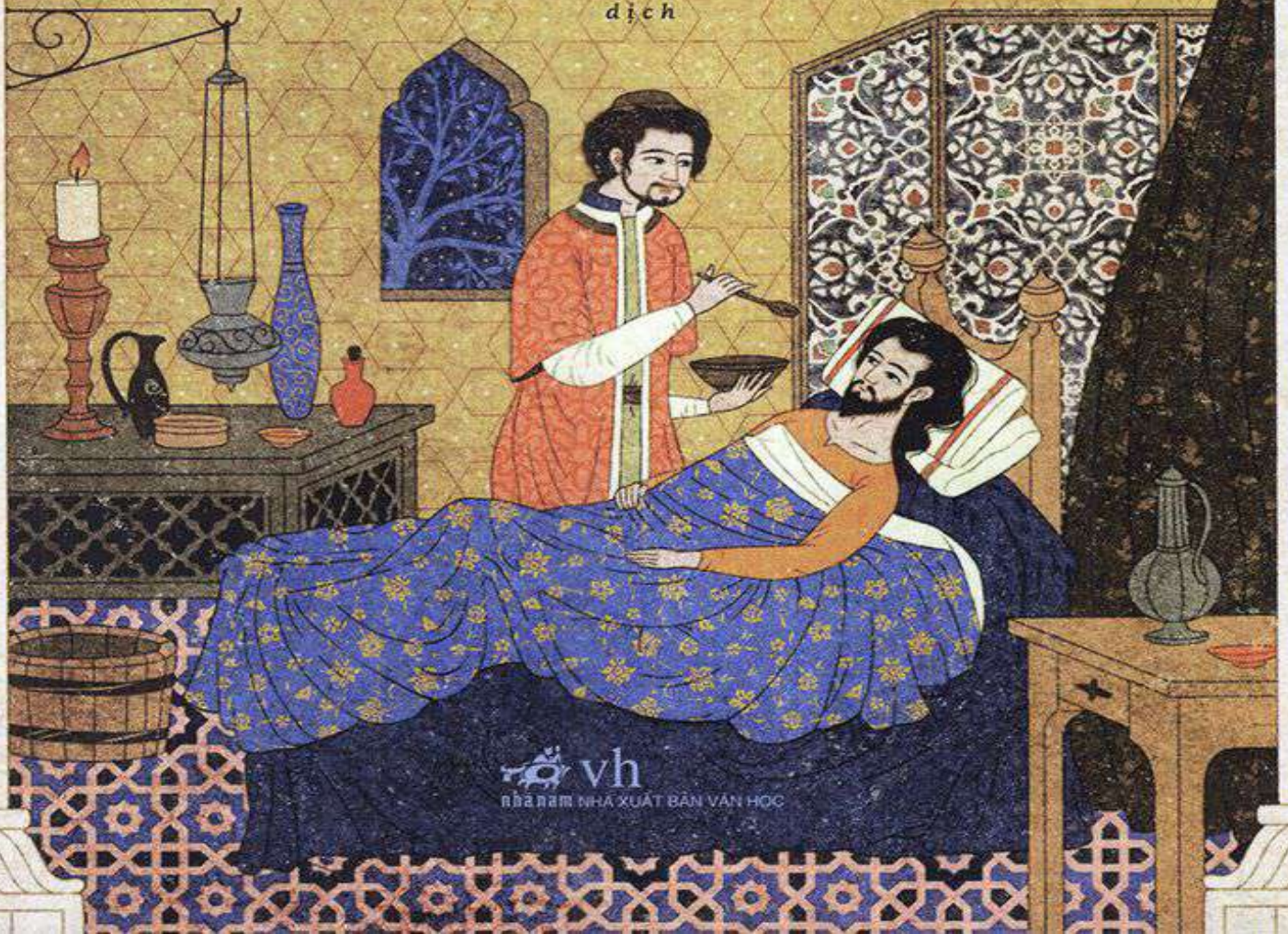


NOAH
GORDON

The International Bestseller

NGƯỜI
THẦY
THUỐC

LÊ CHU CẦU
dịch

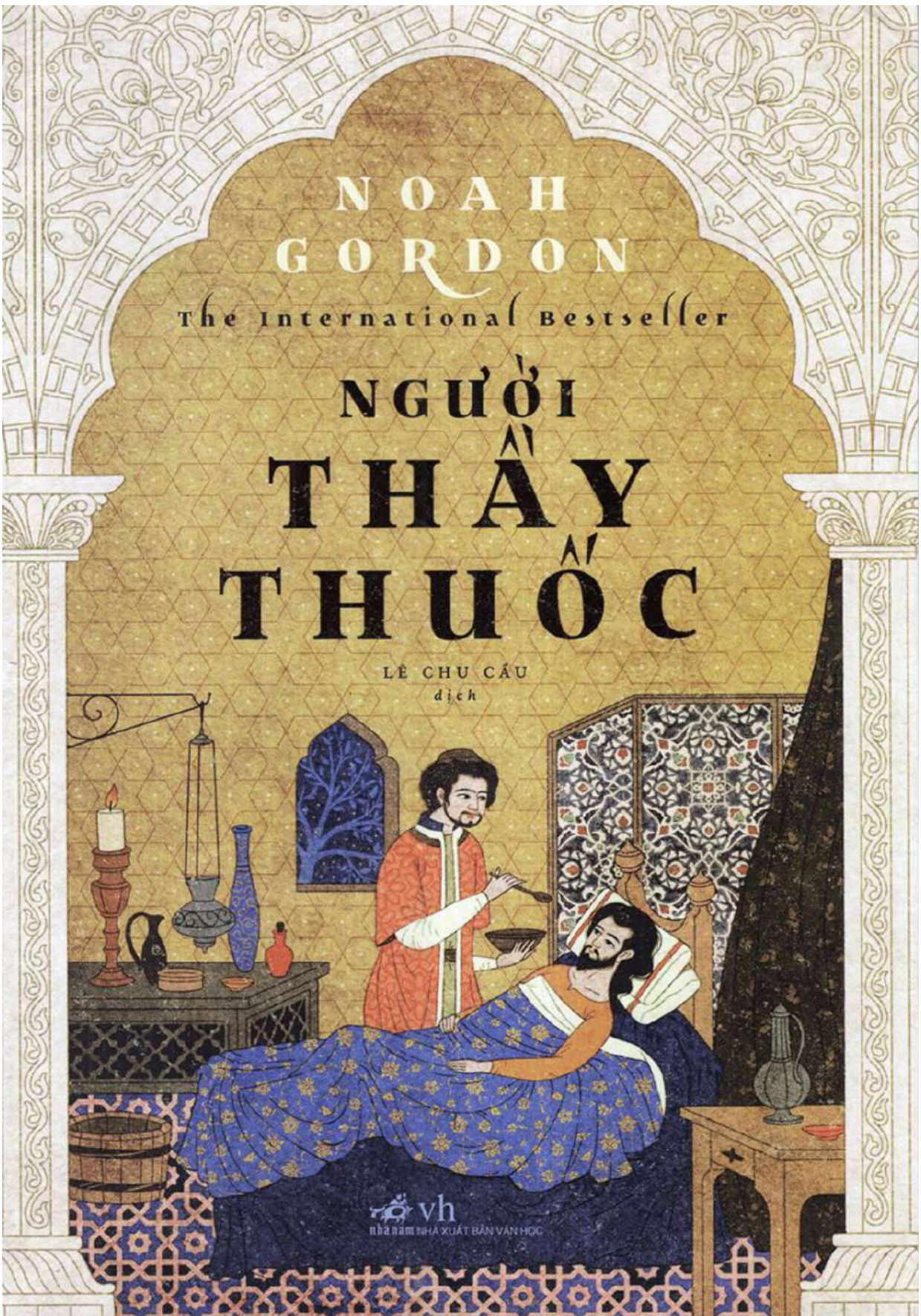


NOAH
GORDON

The International Bestseller

NGƯỜI
THẦY
THUỐC

LÊ CHU CẦU
dịch



vh
nhà sách xuất bản văn học

THÔNG TIN EBOOK

Tên sách

Người thầy thuốc

Nguyên tác

The Physician

Tác giả

Noah Gordon

Dịch giả

Lê Chu Cầu

Nhà xuất bản

NXB Văn Học

Đơn vị phát hành

Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam

Số trang

648

Kích thước

17 x 25 cm

Giá bìa

228.000 VNĐ

Ngày xuất bản

08/5/2018

Nguồn sách

PlanetVN

Tạo ebook

PlanetVN

Ngày hoàn thành

Đang kiểm tra lỗi chính tả...

GIỚI THIỆU VỀ TÁC PHẨM

London thế kỷ 11. Lên 9 tuổi, Rob Cole và đàn em thơ mất mẹ. Không lâu sau người cha qua đời, như ngọn nến vụt tắt trong gió bão. Phường hội thợ mộc chia lũ trẻ bơ vơ về cho các gia đình nuôi nấng. Rob được một phó cạo kiêm thầy lang hay say xin bảo hộ. Từ đó, với hành trang đặc biệt là năng khiếu dự cảm cái chết mang đến xiết bao kinh hãi và bi thương cho một đứa trẻ, Rob lang thang trên chiếc xe ngựa màu sắc lòe loẹt rong ruổi khắp nước Anh... Nhưng, định mệnh đã sắp đặt cho Rob gặp gỡ với một bác sĩ, người khiến Rob muốn đến được Ba Tư, chạm vào gấu áo vị bác sĩ giỏi nhất thế gian, bậc thầy nổi danh nhất trong mọi bậc thầy của nền y học Trung cổ - Abu Ali at-Husain ibn Abdullah ibn Sina. Trên con đường chông gai đó, dù có lúc phải từ bỏ tình yêu, đối mặt với cái chết, hay đội lốt một ai đó khác không phải chính mình, Rob Cole vẫn dẫn bước. Anh muốn trở thành thầy thuốc.

Với *Người thầy thuốc*, Noah Gordon đã dựng nên cuốn phim hoành tráng về một thế giới Trung cổ trải từ Âu sang Á sinh động và phong phú kiến thức lịch sử, tôn giáo, y học... Cuốn sách cũng là những trang đẹp đẽ, mãnh liệt về tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, về nghị lực theo đuổi giấc mơ của một con người muốn cứu giúp đồng loại, phụng sự phát triển khoa học, và kiếm tìm hạnh phúc trong tình yêu đích thực. Tiểu thuyết được đánh giá là tuyệt tác kinh điển hiện đại, được dịch ra nhiều thứ tiếng, phát hành hàng chục triệu bản, và dựng phim năm 2013.

NHẬN XÉT VỀ TÁC PHẨM

"Cuốn tiểu thuyết lôi cuốn của Gordon tái tạo thế kỷ 11 mạnh mẽ đến mức độ giả bị cuốn theo hàng trăm trang sách bởi đọt thủy triều của trí tưởng tượng và những chi tiết lịch sử xác thực." - **Publishers Weekly**.

"Người thầy thuốc mang màu sắc *The Pillars of the Earth* của Ken Follett, nhưng với sự phát triển sâu hơn ở cả cốt truyện lẫn nhân vật... Quả là một cuốn sách mở mang đầu óc và khó quên." - **Zoltaire's Blog**.

"Câu chuyện phiêu lưu tràn ngập cảm hứng về cuộc tìm kiếm tri thức y học diễn ra trong một thế giới đầy bạo lực, mê tín và thành kiến." - **Library Journal**.

GIỚI THIỆU VỀ TÁC GIẢ

Noah Gordon sinh năm 1926 ở Worcester, Massachusetts, Mỹ. Sau khi tốt nghiệp ngành báo chí và Anh ngữ ông theo nghề làm báo. Trong thời gian làm biên tập viên khoa học cho một tờ báo ở Boston ông đã có một số truyện ngắn ra mắt bạn đọc đăng trên các báo hàng đầu ở Mỹ. Ông đã nổi tiếng ngay với tiểu thuyết đầu tay *The Rabbi* (Giáo sĩ Do Thái). Các tác phẩm tiếp theo *The Death Commitee*, *The Jerusalem Diamond*, *Shaman...* cũng đều trở thành sách bán chạy. Chủ đề chính trong các tiểu thuyết của Gordon là lịch sử y học và y đức. Phần sau sự nghiệp, ông tập trung nhiều hơn vào chủ đề Tòa án dị giáo và lịch sử văn hóa Do Thái.

Ông từng nhận các giải thưởng Que Leer Prize (Tây Ban Nha) và Boccaccio Literary Prize (Ý), James Fenimore Cooper Prize for Best Historical Fiction (Mỹ)...

MỤC LỤC

Phần một: Thăng nhỏ học việc của bác phó cạo

1. Con quý ở London
2. Một gia đình phường hội
3. Chia người và của
4. Bác phó cạo kiêm thầy lang
5. Con gấu ở Chelmsford
6. Những quả bóng màu
7. Ngôi nhà trên vịnh Lyme
8. Người quản trò
9. Khả năng thiên phú
10. Miền Bắc
11. Người Do Thái ở Tettenhall
12. Thử áo quần
13. London
14. Những bài học
15. Người làm thuê
16. Vũ khí
17. Giao kèo mới
18. Requiescat
19. Người đàn bà trên đường
20. Ngồi ăn đội mũ
21. Kỵ sĩ già

Phần hai: Chuyến viễn du

22. Chặng đường đầu tiên

23. Người lạ trên đất lạ
24. Những ngôn ngữ lạ
25. Nhập bọn
26. Parsi
27. Người gác thềm lặng
28. Vùng Balkan
29. Tryavna
30. Mùa đông trong học sảnh
31. Cánh đồng lúa mì
32. Ngỏ lời
33. Thành phố cơ đốc cuối cùng

Phần ba: Ispahan

34. Chặng đường cuối cùng
35. Muối
36. Người đi săn
37. Thành phố của Reb Jesse
38. Calaat

Phần bốn: Maristan

39. Ibn Sina
40. Lời mời
41. Maidan
42. Trò tiêu khiển của Shah
43. Phái đoàn y tế
44. Dịch hạch
45. Hài cốt của một người bị giết

46. Câu đố bí hiểm
47. Kỳ thi
48. Một chuyến đi ngựa về vùng quê
49. Năm ngày đường về hướng Tây
50. Chatir

Phần năm: Y sĩ chiến trường

51. Điều thầm kín
52. Jesse được nhào nặn
53. Bốn người bạn
54. Những ước vọng của Mary
55. Vẽ chi, nào phải vẽ chân
56. Lệnh vua
57. Người cười lạc đà
58. Ấn Độ
59. Người thợ rèn Ấn Độ
60. Bốn người bạn

Phần sáu: Karim

61. Làm trợ tá cho thầy
62. Khước từ tưởng thưởng
63. Đi Idhaj chữa bệnh
64. Cô bé Bedouin
65. Karim
66. Thành phố ẩm đạm
67. Người khác và đứa con thứ hai
68. Chẩn bệnh cho thầy

- 69. Những trái dưa hấu xanh
- 70. Căn phòng của Qasim
- 71. Nhầm lẫn của Ibn Sina
- 72. Người đàn ông trong suốt
- 73. Ngôi nhà ở Mamadhan
- 74. Vua của mọi vua

Phần bảy: Trở về cố hương

- 75. London
- 76. Lyceum ở London
- 77. Tu sĩ áo xám
- 78. Chuyển đi quen thuộc
- 79. Mùa cừ đẻ
- 80. Giữ trọn lời hứa
- 81. Vòng tròn khép lại

*Thương yêu
tặng Nina
người đã cho tôi Lorraine*

*Hãy kính sợ Thiên Chúa và tuân giữ các mệnh lệnh Người truyền,
đó là tất cả đạo làm người.*

- Sách Giảng viên 12:13

*Tạ ơn Chúa đã dựng nên con một cách lạ lùng,
công trình Ngài xiết bao kỳ diệu.*

- Sách Thánh vịnh 139:14

Chúa Trời sẽ làm cho người chết sống dậy.

- Koran 6:36

*Người khỏe mạnh không cần đến thầy thuốc,
người đau yếu mới cần.*

- Tin mừng theo Thánh Matthew 9:12 [[1](#)]

PHẦN 1
THẺNG NHỎ HỌC VIỆC CỦA BÁC PHÓ CẠO

Con quỹ ở London

Đó là những giây phút êm đềm cuối cùng của tuổi thơ ngây đầy ân sủng mà Rob J. còn có được, song vì nó không hiểu nên thấy khổ sở khi phải ở nhà với mấy đứa em của nó, vừa trai vừa gái. Trời mới vào xuân và nắng ấm chiếu chênh chếch qua mái hiên lợp rạ. Nó nằm ườn, hưởng chút dễ chịu trên bậc thềm đá xù xì trước cửa nhà. Một thiếu phụ thận trọng bước trên con đường Carpenter đầy ổ gà. Con đường cũng cần phải được tu bổ như phần lớn các ngôi nhà nhỏ của dân lao động, được dựng lên sơ sài bởi các thợ thủ công lành nghề kiếm miếng ăn nhờ xây những ngôi nhà vững chắc cho đám người giàu có và may mắn hơn họ.

Rob đang tách giỏ đậu đầu mùa và ngó chừng lũ em nó phải trông khi mẹ đi vắng. thằng William Stewart, lên sáu, và con Anne Mary, lên bốn, đang vọc đất cát cạnh nhà, vừa chơi vừa cười khúc khích. Chú bé Jonathan Carter, mới được mười tám tháng, nằm trên tấm da cừu, liếm bột, vừa ợ vừa cười. Thằng Samuel Edward, lên bảy, đã lại trốn biệt. Thằng Samuel láu cá, thay vì giúp anh, luôn luôn tìm cách linh mất làm Rob tức tối, để ý tìm. Nó tách từng mảnh vỏ màu xanh rồi lấy ngón tay cái cạo hạt đậu khỏi lớp bọc như sáp, giống mẹ vẫn làm; nó không cả ngừng tay khi thấy thiếu phụ nọ tiến thẳng về phía mình.

Cái áo chèn nhơ nhuốc độn bộ ngực lên quá mức khiến đôi lúc hờ cả núm vú màu hồng khi chị ta cử động. Khuôn mặt bự thịt lòe loẹt phấn son. Rob J. tuy mới chín tuổi đầu thôi nhưng là một đứa trẻ ở London nên nó lập tức nhận ra chị nọ là một ả điếm.

“Nhỏ kia! Có phải nhà của Nathanael Cole đây không?”

Nó bực bội quan sát chị ta, vì đây không phải lần đầu tiên có gái điếm tới tận nhà tìm bố nó. “Ai muốn biết mới được chứ?” nó cộc cằn hỏi, mừng vì bố nó đi tìm việc và chị kia không gặp, mừng cả vì mẹ nó đi giao đồ thuê nên tránh khỏi bực mình.

“Vợ ông ta đang cần ông ta đấy. Bà ấy nhờ tao.”

“Vợ ông ta cần là nghĩa làm sao?” Đôi bàn tay khéo léo trẻ thơ ngừng tách vỏ đậu.

Cô gái giang hồ lạnh lùng nhìn nó, hiểu nó qua giọng nói và thái độ. “Phải bà ấy là mẹ mày không?”

Nó gật.

“Bà ấy đang đau trở dạ, hiện nằm ở chuồng ngựa nhà Egglestan gần Puddle Dock. Tốt nhất mày đi tìm bố mày và cho ông ấy biết.” Nói xong chị ta bỏ đi.

Thằng nhỏ tuyệt vọng nhìn quanh. “Samuel!” nó gào lên nhưng, như mọi khi, ai mà biết được thằng khi đó đang ở đâu. Thế là Rob kéo William và Anne Mary khỏi cuộc chơi. “Lo coi chừng mấy đứa nhỏ nhé, Willum [2],” nó căn dặn em rồi ra khỏi nhà, cầm đầu chạy.

Những kẻ tin chuyện tầm phào bảo rằng năm 1021, năm mà Agnes Cole mang thai lần thứ tám, là năm của quỷ Satan. Nó được đánh dấu bởi tai ương cho con người cùng những hiện tượng quái dị trong thiên nhiên. Mùa thu năm trước giá lạnh đến sông cũng đóng băng đã làm hư hại hết mùa màng. Rồi mưa nhiều chưa từng thấy khiến băng tan nhanh làm dâng nước sông Thames, sập cả cầu lẫn nhà cửa. Sao rơi sáng lung linh bầu trời mùa đông lộng gió và sao Chổi xuất hiện. Tháng Hai động đất. Rồi sét đánh cả vào thánh giá khiến người ta thì thào rằng Chúa và các thánh ngủ quên cả. Có tin đồn một con suối tuôn máu ba ngày liền và khách vãng lai kể rằng Quỷ xuất hiện trong rừng và những nơi bí mật.

Agnes dặn thằng con lớn đừng chú ý đến những chuyện ấy. Nhưng chị lo lắng nói thêm rằng nếu Rob J. có thấy hay nghe chuyện gì không bình thường thì nó phải làm dấu thánh giá.

Năm ấy người ta đổ trách nhiệm cho Chúa vì mùa màng thất bát kéo theo thời buổi khó khăn. Hơn bốn tháng rồi Nathanael không kiếm ra tiền và chỉ sống nhờ tài thêu thùa của vợ.

Khi mới cưới, chị và Nathanael mê mết trong tình yêu và đầy tin tưởng ở tương lai. Dự tính của anh là làm giàu qua việc thầu xây dựng nhà. Nhưng sự đề bạt trong Phường hội thợ mộc rất là lâu lắc, vì chuyện này nằm trong tay những ban kiểm tra thường soi mói các đề án như thể mỗi phần công việc được làm đều phụng sự đức vua. Anh đã phải học việc sáu năm, rồi làm thợ phụ một thời gian gấp đôi như thế. Lẽ ra từ lâu anh đã có thể thi lên thợ cả, điều kiện cần để thành nhà thầu khoán trong ngành mộc. Nhưng để trở thành thợ cả cần phải có nghị lực và thời buổi thuận lợi, mà anh lại quá nản chí.

Cuộc sống của họ tiếp diễn quẩn quanh trong phạm vi Phường hội, nhưng lúc này thậm chí Phường hội thợ mộc London cũng chẳng giúp được gì cho họ. Sáng sáng Nathanael đến trụ sở Phường hội chỉ để được nghe thông báo không có việc. Cùng với những con người vô vọng khác anh tìm quên trong thứ rượu họ gọi là pigment: một thợ mộc cung cấp mật ong, người khác đem tới ít hương liệu, còn Phường hội thì lúc nào cũng sẵn một hũ vang.

Nathanael có nhiều nhược điểm song Agnes không thể bỏ anh, vì chị đã quá mê đắm hoan lạc xác thịt rồi. Bụng chị cứ bự hoài và khi nó mới vừa xẹp thì Nathanael lại cho chị mang bầu. Và hễ chị sắp đến ngày sinh là anh lại bỏ nhà đi rong. Đời họ gần như đúng hết với những điều buồn thảm mà cha chị tiên đoán khi chị, lúc ấy đã mang thai thằng Rob J., lấy anh chàng thợ mộc trẻ đến Watford giúp láng giềng của gia đình chị dựng kho thóc. Ông bảo vì chị đi học nên cái học đã nhồi nhét vào người phụ nữ những thèm khát điên rồ.

Cha chị có một nông trang nhỏ, được vua Aethelred thưởng, do có công phục vụ trong quân đội. Ông là người đầu tiên trong dòng họ Kemp trở thành điền chủ nhỏ. Ông Walter Kemp cho con gái đi học với hy vọng sau này chị sẽ tìm được một điền chủ, bởi vì các đại điền chủ đều thấy rằng có được một người tín cẩn biết đọc và biết làm tính là hết sức ích lợi; thế thì tại sao người ấy lại không thể là chính bà vợ nhỉ? Nên ông rất cay đắng khi thấy chị chọn một đám hèn mọn, kém thế gia. Nhưng người cha khốn khổ ấy

cũng chẳng còn gì để tước của chị quyền thừa kế, bởi vì ông còn thiếu thuế nên khi ông chết, miếng đất nhỏ bé kia lại về với hoàng gia.

Nhưng chính tham vọng của ông đã tạo nên nếp sống của đời chị. Năm năm sung sướng nhất mà chị vẫn nhớ là khi còn bé theo học trường bà xơ. Các xơ mang giày màu đỏ tươi, áo choàng trắng hoặc tím và khăn choàng mỏng như mây. Họ đã dạy chị đọc và viết, một chút kiến thức lôm bôm về tiếng Latin qua giáo lý, dạy cắt áo quần và khâu sao cho không thấy đường nối và làm các hàng thêu thật khéo rất được ưa chuộng ở Pháp, gọi là “hàng thêu của Anh”.

Điều “điên khùng” chị học được từ các bà xơ giờ đây giữ cho gia đình chị khỏi đói.

Sáng nay chị còn bản khoản không biết có nên đi giao hàng thêu chẳng. Chị sắp trở dạ và thấy mình nặng nề, khó coi quá. Nhưng thức ăn sắp hết sạch. Thành ra cần phải ra chợ Billingsgate để mua bột và thịt; muốn thế chị phải đi đòi tiền của người xuất khẩu hàng thêu ở Southwark, bên kia sông. Mang gói hàng nhỏ, chị chậm chạp đi xuôi đường Thames tới cầu London.

Như bình thường, đường Thames đầy những con vật thồ và phu khuân vác, chuyển hàng giữa những nhà kho như những cái hang và các thuyền buồm đậu san sát như rừng. Tiếng huyên náo làm chị thấy dễ chịu như đất hạn gặp mưa. Dù gặp bao khó khăn chị vẫn cảm ơn Nathanael đã đem chị đi khỏi Watford và nông trại.

Chị yêu cái thành phố này biết mấy.

“Đồ con hoang! Quay lại ngay, trả tiền cho bà. Đưa đây!” Một bà nổi tam bành đay nghiêng ai đó mà Agnes không nhìn thấy.

Tiếng cười lẫn với hàng mớ tiếng nước ngoài. Tiếng chửi bật ra chẳng khác nào lời chúc phúc lành trù mển.

Chị đi ngang những nô lệ rách rưới đang khuân những tảng sắt tới chỗ thuyền cập bến chờ hàng. Tiếng chó sủa những con người cùng khổ bước khó nhọc dưới gánh hàng nặng tàn nhẫn, mờ hôi ánh trên những cái đầu cạo trọc. Chị hít thở mùi tởi của những thân thể không tắm gội và mùi kim loại

của những thỏi sắt rời mùi thơm quyến rũ từ xe đẩy của người bán dạo thịt băm nướng. Chị thèm ứa nước miếng nhưng trong túi chị chỉ còn một đồng cắc, mà lũ trẻ thì đang đói ở nhà. “Thịt băm ngọt như tội lỗi đây,” người bán rao. “Nóng hôi hổi vừa thối vừa ăn đây!”

Bến tàu thơm sực mùi nhựa thông của những ngày nắng ấm và mùi dây tời quét hắc ín. Chị vừa đi vừa đưa tay sờ bụng và thấy thai nhi động đập trong cái đại dương nằm giữa hông chị. Ở một góc đường, một đám thủy thủ, mũ cài hoa, hát những bài vui nhộn quanh ba nhạc công chơi sáo, trống và thụ cầm. Khi đi ngang họ, chị để ý thấy một người đứng tựa vào chiếc xe ngựa vẽ cung hoàng đạo trông rất kỳ quái. Ông ta chừng bốn mươi tuổi, bắt đầu hói; tóc đỏ như màu bộ râu; nét mặt trông dễ mến và sẽ đẹp trai hơn Nathanael nếu như không quá mập. Mặt ông ta đỏ au, còn cái bụng phưỡn ra chẳng kém bụng chị, nhưng vẻ béo tốt ấy không làm người ta ghê tởm mà ngược lại, quyến rũ như thể nó nói với kẻ đang nhìn rằng đây là một người vui tính, thích thụ hưởng lạc thú trên đời. Đôi mắt xanh lấp lánh rất hợp với nụ cười trên môi. “Này người đẹp, cặp đôi với tôi nhé?” ông ta nói. Chị giật mình nhìn quanh xem ông ta vừa nói với ai, nhưng ngoài chị ra chẳng còn ai khác.

“Ha!” Bình thường chị sẽ ném cho quân lão lếu này một cái nhìn lạnh như băng, rồi chẳng thèm để ý tới gã nữa làm gì nhưng chị có tính bông đùa nên thích người bông đùa. Mà câu vừa rồi của ông ta thì không chê được.

“Mình sinh ra để thành đôi mà. Tôi sẵn sàng chết vì quý nương đấy,” ông ta nũng nịu gọi theo.

“Không cần đâu. Chúa đã chịu chết vì tôi rồi, thưa ông,” chị đáp.

Chị ngẩng đầu, thảng vai cười vui với ông ta và đi tiếp, lắc người một cách khêu gợi, với cái bụng to không tưởng tượng nổi.

Lâu lắm rồi mới lại có người, dẫu chỉ đùa thôi, khen chị đẹp và đôi câu trò chuyện ngớ ngẩn làm chị thấy vui vui khi vượt qua đường Thames. Chị vẫn còn cười khi tới gần Puddle Dock với cơn đau bất chợt.

“Lạy Đức Mẹ nhân từ,” chị thì thầm.

Lại đau. Bắt đầu từ bụng rồi lan toàn cơ thể, lên cả đầu khiến chị không đứng nổi nữa. Khi chị ngồi bệt xuống con đường rải đá thì nước đầu ối túa ra.

“Giúp tôi với!” chị kêu. “Có ai giúp tôi với!”

Một đám dân London xúm ngay lại, tò mò nhìn. Quanh chị toàn những chân là chân. Trong cơn đau làm chị hôn mê, chị còn thấy những khuôn mặt xếp thành vòng tròn cúi nhìn mình.

Agnes rên rỉ.

“Này, bọn cà chớn,” một người đánh xe ngựa lầm bầm. “Tránh ra lấy chỗ cho chị ấy thở chứ. Và để tụi tôi kiếm miếng ăn nữa. Mang chị ấy ra khỏi đường cho xe chúng tôi qua.”

Họ mang chị vào một chỗ tối, lạnh và nồng mùi phân bón. Thừa cơ, một kẻ nào đó nâng của chị gói hàng thêu. Phía sau nữa có những thân hình to lớn lắc lư trong bóng tối. Một cái móng ngựa đá mạnh vào ván gỗ rồi có tiếng hí thật to.

“Cái gì thế này? Ấy, mấy người đâu có thể mang chị ta vào đây được,” có tiếng cắn nhả. Hẳn là một tay nặng xì nhỏ con, bụng phưỡn với hàm răng hở đôi ba chỗ. Khi nhìn thấy đôi ủng và cái mũ của người coi chuồng ngựa chị nhận ra đây là Geoff Egglestan và biết mình đang ở trong tàu ngựa của hắn. Hơn một năm trước Nathanael đã dựng lại mấy cái chuồng ngựa ở đây và chị vợ ngay lấy chuyện này.

“Ông Egglestan ơi,” chị nói yếu ớt, “tôi là Agnes Cole, vợ người thợ mộc ông quen biết đây mà.”

Qua vẻ mặt, chị nghĩ rằng hẳn nhận ra chị, dù gượng gạo, và chắc chắn là hẳn không thể xua đuổi chị.

Đám đông xúm lại sau lưng hắn, mắt ánh lên vẻ tò mò.

Agnes hỗn hển. “Có ai làm ơn tìm hộ nhà tôi không?” chị hỏi.

“Tôi không thể bỏ dở việc được,” Egglestan lăm bầm. “Người nào khác phải đi thôi.”

Không ai đi mà cũng chẳng ai nói gì.

Chị thò tay vào túi tìm đồng bạc. “Có ai làm ơn,” chị lặp lại và đưa ra đồng bạc.

“Tôi làm nghĩa vụ của một con chiên cho,” một ả có vẻ là gái điếm lên tiếng ngay. Mấy ngón tay của ả chụp lấy đồng bạc chẳng khác vuốt chim.

Cơn đau cơ hồ không chịu nổi; lần này là một thứ đau khác hẳn. Chị đã quá quen với những đợt đau thắt tiếp nhau. Việc trở dạ có khá khó khăn ở hai lần đầu mang thai, rồi dạ con dần ra dần. Trước và sau khi có con bé Anne Mary chị bị sẩy thai nhưng cả thằng Jonathan lẫn con bé đều chui ra khỏi bụng chị dễ dàng sau khi bế nước đầu ối, chẳng khác mấy cái hạt trơn bị bóp giữa hai ngón tay. Trong năm lần sinh nở chưa lần nào chị thấy đau như lần này.

Lạy Thánh Agnes, chị khẩn thầm. Lạy Thánh Agnes vẫn che chở lũ cừ non, xin hãy giúp đỡ con.

Trong mọi lần sinh nở trước chị đều cầu thánh bốn mạng của mình và Thánh Agnes quả có giúp thật, còn lần này thì cả thế giới là một cơn đau vô tận và đưa bé trong bụng chị như một cái nút chai khổng lồ.

Rồi tiếng kêu la đến khản cổ của chị khiến một bà mẹ lớn tuổi, hơi quá say đi ngang chú ý. Bà ta nhiếc, đuổi đám hiếu kỳ ra khỏi chuồng ngựa. Rồi khi quay vào bà chán chường nhìn chị. “Bọn đàn ông khốn kiếp gây ra nông nỗi này cho nhà chị đấy,” bà ta lẩm bẫm. Không có chỗ nào khá hơn để chị nằm. Bà kéo váy chị lên tới thắt lưng, rọc đồ lót, lấy tay phui lớp phân rơm trên nền đất trước cửa mình chị rồi chùi vào tấm tạp dề dơ dáy.

Bà mẹ lôi từ túi áo ra một lọ con đựng mỡ heo đã sẫm màu vì dính máu của những sản phụ khác. Múc ra một ít mỡ hôi rình, bà ta xoa như thể rửa tay rồi mới đầu cho hai ngón, rồi ba, rồi cả bàn tay vào cửa mình người sản phụ đang rặn và gào như một con thú.

Một lúc sau bà mẹ nói: “Sẽ còn đau gấp đôi, cô ạ,” rồi xoa mỡ lên tới tận khuỷu tay. “Có lẽ thằng nhỏ ngậm chân nó đấy. Nó thò đít ra trước.”

Một gia đình phường hội

Rob J. vừa chớm chạy về hướng Puddle Dock thì chợt nhớ ra phải đi tìm bố trước. Thế là nó quay đầu chạy về hướng Phường hội mà bất cứ đứa con nào của một hội viên cũng đều biết sẽ phải làm khi gặp sự cố.

Trụ sở Phường hội thợ mộc London nằm ở cuối đường Carpenter, trong một ngôi nhà cũ vách phen trát đất với khung bằng cột gỗ bên cạnh liễu rồi trát vữa cho dày và cứ vài năm lại phải làm mới. Trong căn nhà rộng có một tá đàn ông mặc áo da chên, đeo thắt lưng loại để nhét đồ nghề. Họ ngồi trên những chiếc ghế thô ở những cái bàn cũng thô do các hội viên phụ trách tự làm. Rob nhận ra những người láng giềng và thành viên Thập nhân đội của Nathanael nhưng không thấy bố nó đâu.

Với những người thợ đồ gỗ ở London thì Phường hội là tất cả: văn phòng, nhà thương, viện mai táng, trung tâm hoạt động việc xã hội, tổ chức từ thiện trong thời gian thất nghiệp, trọng tài, môi giới việc, phòng cho mượn; Phường hội là một chỗ dựa về chính trị và cả về tinh thần. Đây là một tổ chức có quy củ của bốn nhóm thợ mộc có tên là Bách nhân đội. Mỗi Bách nhân đội gồm mười Thập nhân đội; những đội này có sinh hoạt thân hữu riêng. Chỉ khi nào một đội viên chết, hay bị bệnh nặng kéo dài hoặc dọn đi nơi khác thì đội mới nhận đội viên mới làm thợ học việc, thường lấy từ danh sách chờ của con trai các đội viên. Một lời của trưởng Phường hội có tính quyết định như lệnh vua ban. Rob chạy đến tìm một người như thế, ông Richard Bukerel.

Bukerel có cái lưng còng như thế vì ông mang trọng trách. Mọi thứ trên con người ông đều như sẫm màu cả. Tóc đen, mắt màu vỏ cây sồi cổ thụ; cái quần chên, cái áo chên bằng vải bông thô nhuộm với màu vỏ trái hồ đào, còn da ông có màu của da thuộc bằng cách hấp, lại thêm phơi nắng do ông từng dựng cả nghìn ngôi nhà. Là một người đi đứng, suy nghĩ, nói năng điềm đạm nên ông chú ý lắng nghe Rob.

“Bố Nathanael không có ở đây, cháu ạ.”

“Bác có biết bố cháu ở đâu không, thưa bác trưởng Phường hội Bukerel?”

Bukerel ngần ngừ. “Cháu đợi tí nhé,” ông nói rồi tới chỗ đám đàn ông ngồi gần đó.

Rob chỉ hiểu lồm bồm vài ba tiếng hoặc một câu thì thầm.

“Ở chỗ tụ điểm đó à?” Bukerel lẩm bẩm.

Lát sau người trưởng Phường hội quay lại. Ông nói: “Các bác biết bố cháu ở đâu. Cháu chạy gấp lại chỗ mẹ cháu đi. Các bác sẽ tìm bố cháu rồi chạy theo cháu ngay.”

Rob cảm ơn rồi chạy vụt đi.

Nó không ngừng lại để thở lấy một lần. Nó tránh các xe chở hàng, những người say rượu, chạy luồn lách qua các đám đông về hướng Puddle Dock. Được nửa đường nó thấy kẻ địch của nó, thằng Anthony Tite. Năm ngoái chúng đã choảng nhau ba trận ra trò. Thằng Anthony, cùng với hai thằng bạn bên tàu trời đánh, đang chọc ghẹo đám phu khuân vác.

Đừng cản bước tao, thằng mắt ốc nhồi, Rob nghĩ tình khô. Cứ giở trò đi, hỡi Tony-đái-dầm, tao sẽ cho mày một mẻ.

Và rồi một ngày nào đó nó cũng sẽ cho người bố tồi tệ của nó biết tay.

Rob thấy một thằng chỉ nó cho Anthony nhưng nó đã chạy qua mặt bọn kia rồi.

Nó muốn dứt hơi và đau nhói một bên sườn khi tới được tàu ngựa của nhà Egglestan, đúng lúc thấy một bà già lạ hoặc đang quần tã cho một đứa nhỏ sơ sinh.

Chuông ngựa nong nặc mùi phân ngựa và mùi máu. Mẹ nó nằm trên nền đất. Mắt chị nhắm nghiền, da mặt tái xanh. Nó ngạc nhiên sao mẹ đột nhiên nhỏ thó thế kia.

“Mẹ!”

“Cháu là con cô ấy à?”

Nó gật, khuôn ngực lép phập phồng.

Bà già đang hăng rồi nhõ xuống đất. “Để mẹ cháu nghỉ,” bà ta nói.

Đến nơi, bố nó chẳng ngó ngang gì đến nó. Người ta chở mẹ nó về nhà cùng thằng bé sơ sinh, được đặt tên là Roger Kemp Cole, trên một chiếc xe ngựa trải rơm do ông Bukerel mượn của một người thợ cạo.

Trước kia, sau mỗi lần sinh nở mẹ nó đều tự hào chìa cho chúng nó xem em bé. Lần này mẹ nó chỉ nằm nhìn lên mái nhà lợp rạ.

Rồi thì bố nó phải cầu cứu Della Hargreaves, một góa phụ gần nhà nhất. Anh nói với chị kia: “Ngay đến cho bú nhà tôi cũng không đủ sức nữa.”

“Có thể nó sẽ qua khỏi,” Della Hargreaves nói. Chị này biết một người vú nên mang đứa nhỏ đến đó để bà ta cho nó bú, làm thằng Rob J. thở phào nhẹ nhõm. Nó đã quá nhiều việc phải làm để lo cho bốn đứa em kia. Thằng Jonathan Carter đã được dạy dùng bô rồi, nhưng không có mẹ trông chừng nên có lẽ quên tuốt.

Bố nó ở nhà. Rob hầu như chẳng nói gì với bố và tìm cách tránh mặt.

Nó thấy thiếu những bài học vào mỗi sáng mẹ vẫn dạy như thể một trò chơi vui. Nó không thấy ai lại nòng nài, hóm hình và kiên nhẫn với trẻ chậm nhớ như mẹ.

Nó bảo thằng Samuel giữ Willum và Anne Mary chơi bên ngoài.

Tối hôm ấy Anne Mary khóc đòi ru. Rob ôm chặt em, gọi nó là cô Anne Mary, cách gọi mà con bé thích nhất. Rồi nó hát về những con thỏ mềm mại dễ thương và lũ chim ra ràng trong tổ. Nó mừng vì thằng Anthony Tite không có đó nghe nó hát. Má em gái nó bầu bĩnh hơn, da cũng mịn hơn mẹ chúng nó, dù mẹ vẫn luôn bảo rằng Anne Mary có nét mặt của dòng họ Kemp, thậm chí giống cả cái miệng khi ngủ.

Ngày thứ hai trông mẹ có vẻ khá hơn nhưng bố chúng bảo màu hồng của má mẹ là do bị sốt. Chị kêu ớn lạnh và chúng đắp thêm chăn cho chị.

Sáng ngày thứ ba khi đưa chị ly nước, Rob giật mình vì má mẹ nóng bừng. Chị vuốt ve tay nó, thì thầm: “Rob của mẹ đúng là đàn ông rồi.” Hơi

thở mẹ nó nặng mùi và gấp gáp.

Khi nó nắm tay mẹ thì có một cái gì đó từ cơ thể chị truyền sang nó. Đó chính là sự nhận thức chắc chắn của nó về điều sẽ xảy đến với chị. Nó không khóc được. Nó không gào lên được. Tóc gáy nó dựng đứng. Nó thấy khủng khiếp quá. Ngay cả nếu đã lớn rồi nó cũng không thể chịu nổi, huống chi nó còn con nít như bây giờ.

Trong cơn hoảng loạn nó bóp chặt tay mẹ làm chị đau. Bố nó trông thấy và nó bị khổ đầu.

Sáng hôm sau khi nó dậy thì mẹ nó đã chết rồi.

Nathanael Cole ngồi khóc làm lũ nhỏ sợ hãi. Chúng không biết được rằng mẹ chúng đã vĩnh viễn qua đời. Chúng chưa từng thấy bố khóc nên xanh mặt ngồi sát vào nhau, đề phòng.

Phường hội lo toan hết mọi chuyện.

Vợ các hội viên đến. Không ai trong những người này là bạn thân của Agnes vì chị có học vấn khiến họ nghi kỵ. Nhưng giờ đây họ tha thứ cho chị sự biết đọc biết viết và chung lo khâm liệm chị. Về sau này Rob mãi mãi thù ghét mùi hương thảo. Nếu gặp thời khấm khá thì chiều đến, sau khi làm việc xong, cánh đàn ông mới tới; nhưng bây giờ nhiều người bị thất nghiệp nên họ đến sớm hơn. Hugh Tite, bố của Anthony Tite - và giống thẳng con như tạc - đại diện cho ban thường trực của những người đóng áo quan lo chuyện làm quan tài mai táng hội viên.

Ông ta vỗ vai Nathanael. “Tôi đã cất giữ đủ gỗ thông cứng, còn thừa từ lần làm quán rượu Bardwell năm ngoái. Anh còn nhớ thứ gỗ tốt đó không? Bọn mình sẽ làm sao cho xứng đáng với cô ấy.”

Hugh là một thợ công nhật tay nghề tạm tạm vậy thôi và Rob đã nghe bố nó nói có vẻ khinh miệt rằng ông ta không biết giữ gìn đồ nghề; nhưng lúc này Nathanael chỉ biết lăm lì gặt đầu rồi quay vào ly rượu.

Phường hội chu cấp đầy đủ hết vì đám tang là cơ hội duy nhất để được chè chén say sưa. Ngoài rượu táo và bia mạnh còn có bia ngọt và một thứ nước hòa mật ong, để lên men sáu tuần gọi là slip. Họ có thứ rượu pigment - là người bạn và niềm giải khuây của thợ mộc - vang có mùi dâu tây gọi là morat, rượu mật ong có pha hương liệu gọi là metheglin. Họ đem đến từng cặp chim sẻ và gà gô quay, nhiều món thỏ và thịt rừng nướng hoặc chiên, cá trích hun khói, cá hồi và cá bơn mới đánh cùng nhiều tảng bánh mì làm từ lúa mạch.

Phường hội quyết định cúng hai penny làm phước nhân danh và để tưởng niệm Agnes Cole, cử người khiêng hòm đi đầu đám tang đến nhà thờ, cử cả thợ đào huyệt. Trong nhà thờ Thánh Botolph, một linh mục tên Kempton lơ đãng làm lễ, phó thác mẹ nó vào tay Chúa Jesus, rồi các thành viên Phường hội hát hai bài thánh ca cho linh hồn mẹ nó. Mẹ nó được an táng trong khuôn viên nhà thờ, bên gốc một cây du nhỏ.

Khi họ trở về nhà thì bữa ăn đã được các bà hâm nóng sẵn cả; việc ăn uống kéo dài hàng giờ; cái chết của người láng giềng đã giải thoát họ khỏi bữa ăn đạm bạc. Góa phụ Hargreaves ngồi với lũ trẻ, cho chúng ăn những món ngon lành và cứ rối rít cả lên. Chị ta siết chặt chúng vào bộ ngực vĩ đại thơm tho còn chúng thì cứ quằn quại vì đau khổ. Đến khi William xây xẩm thì Rob dẫn em ra sau nhà, giữ đầu em cho nó ói. Sau đó Della Hargreaves xoa đầu Willum bảo tại thằng bé buồn rầu còn Rob biết rằng tại chị ta đã cho em nó ăn quá nhiều món do chị ta nấu. Cho đến cuối bữa ăn Rob lo sao cho lũ em tránh xa nôi lươn của chị ta.

Rob hiểu chết là gì. Mặc dầu vậy nó vẫn ngóng trông mẹ trở về. Trong nó có điều gì đó khiến nó sẽ không ngạc nhiên đến kinh hoàng nếu mẹ nó mở cửa vào nhà, đem theo thức ăn mua ở chợ hay tiền nhận từ người xuất cảng hàng thêu ở Southwark.

Bài học lịch sử cho Rob.

Ba bộ tộc German [3] nào đã xâm chiếm nước Anh vào các thế kỷ 5 và 6?

- Các bộ tộc Angle, Jute và Saxon [4], thừa mẹ.

Họ đến từ đâu, cưng?

- Từ Germania và Đan Mạch. Họ chinh phục người Briton [5] dọc bờ biển phía Đông rồi dựng nên các vương quốc Northumbria, Mercia và Đông Anglia.

Làm sao con giỏi vậy?

- Vì con có một bà mẹ giỏi chẳng?

A, đây là một cái hôn của người mẹ giỏi. Một cái hôn nữa vì con có người bố giỏi. Con không bao giờ được quên người bố giỏi giang của con...

Nó rất ngạc nhiên khi thấy bố ở nhà. Nathanael hình như muốn nói chuyện với lũ con nhưng không mở miệng ra được. Anh để phần lớn thì giờ chữa lại cái mái rạ. Ít tuần sau đám tang, khi mà nỗi đau tê tái giảm dần và Rob bắt đầu hiểu cuộc đời nó từ nay sẽ khác trước thế nào thì cuối cùng bố nó có được việc làm.

Đất sét bên bờ sông London dày và nâu, một thứ bùn mềm, nhão nhoét là môi trường sinh sống của lũ hà. Chúng đục phá kè gỗ cả hàng thế kỷ nay, làm ruỗng bờ sông nên một số kè gỗ phải thay. Công việc rất vất vả, khác xa việc dựng những ngôi nhà tráng lệ, nhưng cảnh nhà khó khăn buộc Nathanael vui vẻ nhận.

Rob phải lo việc nhà dù nó nấu nướng rất tồi. Della Hargreaves vẫn mang thức ăn qua hay sang nấu, thường vào những lúc Nathanael có nhà. Lúc ấy chị ta gắng để thân thể thơm tho, tỏ ra vui vẻ với lũ trẻ và chăm sóc chúng. Chị ta béo lẳn nhưng không phải không quyến rũ với má hồng, gò má cao, cằm thon và đôi bàn tay nhỏ tròn trĩnh mà chị ta cố tránh đụng đến công việc. Trước nay Rob vẫn luôn luôn chăm sóc các em nhưng bây giờ nó là nơi nương tựa duy nhất, thành ra cả nó lẫn lũ kia đều thấy mệt. Jonathan Carter và Anne Mary khóc luôn mồm. William Stewart ăn không thấy ngon, mặt choắt lại mà mắt thì thô lỗ. Còn thằng Samuel Edward hõn hơn bao giờ

hết, nó học đâu dăm tiếng chữ thề rồi về nhà trút lên đầu Rob một cách thích thú khiến thằng anh không có cách gì hơn là cho nó một trận.

Rob cố làm những gì nó nghĩ mẹ nó trước giờ vẫn làm.

Sáng sáng, sau khi cho đứa bé con ăn bột, còn những đứa lớn ăn bánh mì và thức uống xong nó lau chùi bếp phía dưới lỗ thông khói mà nước mưa vẫn lọt qua, rớt vào lửa kêu xèo xèo; đem tro ra sau nhà đổ rồi quét nền nhà; lau bụi bám trên mớ đồ đạc ít ỏi trong cả ba căn phòng. Mỗi tuần ba lần Rob ra chợ Billigate mua những thứ mà mẹ chỉ cần đi một lần thôi. Nhiều chủ sạp biết nó; vài người tặng gia đình Cole một gói quà nhỏ cùng với lời phân ưu khi nó đi chợ một mình lần đầu: ít trái táo, một miếng pho mát, nửa con cá tuyết nhỏ ướp muối. Nhưng chỉ sau vài tuần, khi họ và Rob đã quen biết nhau rồi, thì nó mặc cả còn hơn cả mẹ nó, để họ đừng tưởng bắt chẹt được thằng nhỏ. Trên đường từ chợ về nó luôn luôn chậm bước vì không muốn phải nhận lại từ thằng Willum việc coi sóc lũ em.

Mẹ nó muốn thằng Samuel đi học năm nay. Chị đã phản đối Nathanael và thuyết phục anh cho Rob đến học với các tu sĩ ở tu viện Thánh Botolph. Ngày ngày nó cuốc bộ đến trường dòng trong suốt hai năm, cho đến khi phải ở nhà để chị được rảnh lo việc thuê thùa. Giờ đây sẽ chẳng đứa nào được đi học cả vì bố nó mù chữ và cho rằng học hành chỉ phí thì giờ. Nó thèm đi học. Nó đi trong cái xóm ồn ào gồm những căn nhà rẻ tiền san sát, không thể nào nhớ nổi tại sao trước kia mối quan tâm chính của nó lại là những trò chơi trẻ con và cái bóng ma của thằng Tony Tite-đái-dầm. Anthony và lũ bạn thấy Rob đi qua mà không đuổi theo, như thế việc mẹ nó mất đã khiến nó được tha.

Một tối kia bố nó khen nó giỏi. Nhưng lại nói: “Con luôn luôn sớm khôn trước tuổi,” như thế không vui. Bố con nó nhìn nhau không thoải mái vì chẳng có gì khác để nói. Nathanael có đi với gái điếm những lúc rảnh rỗi không, Rob không biết. Nó vẫn ghét bố nó mỗi khi nghĩ đến mẹ đã chết như thế nào. Nhưng nó biết bố Nathanael của nó đã cố gắng nhiều và mẹ nó nếu còn sống cũng sẽ than phục thôi.

Nó rất sẵn sàng giao lữ em cho Della Hargreaves; nó trông đợi cả lúc đến lúc đi của chị ta bởi vì những lời đùa bỡn và tiếng cười thầm của xóm giềng cho nó thấy chị ta có thể thành mẹ kế của nó. Chị ta không có con cái gì; chồng chị, anh chàng Lanning Hargreaves, là thợ mộc và mười lăm tháng trước bị một cây xà rơi đè chết. Thông thường khi người vợ chết, để lại lũ con còn thơ thì người chồng nhanh chóng tục huyền, thành ra chẳng ai ngạc nhiên khi Nathanael để nhiều thì giờ ở với Della trong nhà chị ta. Nhưng những màn giáo đầu này cũng ít thôi vì thường thì Nathanael quá mệt. Những cây cột lớn làm kè chắn bến tàu phải xẻ từ những thớt gỗ sồi đen rồi đóng sâu xuống lòng sông khi nước rút. Nathanael phải làm việc trong nước và lạnh. Như những người khác trong đội, anh bị ho khan và luôn trở về nhà với xương cốt mỏi nhừ. Từ đáy sâu lạnh lẽo của sông Thames họ moi lên những mẩu di tích: một chiếc dép da thời La Mã với dây quấn dài thòng, một cây lao gãy, những mảnh đồ gốm. Có lần anh mang về cho Rob một mảnh dẹt đá lửa đã được đẽ gọt và một đầu mũi tên sắc như dao, tìm thấy dưới độ sâu hai mươi foot.

“Có phải của La Mã không, bố?” Rob hào hứng hỏi.

Bố nó nhún vai. “Có thể là của Saxon.”

Nhưng về nguồn gốc của đồng tiền tìm được ít hôm sau thì không có gì để nghi ngờ nữa cả. Khi Rob rẩy nước vào tro bếp để chà tới chà lui thì trên một mặt của đồng tiền đen ấy xuất hiện hàng chữ PRIMA COHORS BRITANNIAE LONDONII [6]. Cái vốn tiếng Latin nhà thờ của nó không đủ để hiểu. “Có thể nó ghi về đạo quân đầu tiên tới London,” Rob nói. Bên mặt kia là một người La Mã trên lưng ngựa, với ba chữ cái IOX.

“IOX nghĩa là gì nhỉ?” bố nó hỏi.

Nó không biết. Chắc mẹ nó biết, nhưng nó không còn ai để hỏi nữa. Nó cất đồng tiền đi.

Chúng đã quen với tiếng ho của Nathanael nên dường như không còn nghe thấy gì nữa. Nhưng một buổi sáng khi Rob đang lau bếp lò thì

nghe có tiếng ồn ào trước nhà. Mở cửa ra nó thấy Harmon Whitelock, một người trong đội của bố nó, và hai nô lệ được ông ta thuê từ đám phu khuân vác để khiêng Nathanael về nhà.

Những nô lệ làm Rob phát khiếp. Có nhiều cách khiến một người mất tự do. Một tù binh trở thành nô lệ của người thắng trận, vì người này có thể giết nhưng đã tha mạng cho anh ta. Người tự do có thể bị kết án làm nô lệ vì phạm trọng tội, cũng như người thiếu nợ hay những người không trả nổi món tiền phạt lớn. Vợ con anh ta cũng thành nô lệ luôn và cả những thế hệ sau của gia đình anh ta nữa.

Hai nô lệ này cao lớn, vạm vỡ; đầu cạo trọc là dấu hiệu cho đời nô lệ của họ; quần áo họ rách bươm và hôi gớm ghiếc. Rob không biết họ là người nước ngoài bị bắt hay là người Anh, vì họ chẳng nói chẳng rằng, chỉ thản nhiên nhìn nó. Nathanael không nhỏ con tí nào thế mà họ khiêng anh như chơi. Những nô lệ này làm Rob sợ hơn cả khuôn mặt trắng bệch không chút máu của bố hay cách Nathanael ngả đầu khi họ đặt anh xuống.

“Bố làm sao thế?”

Whitelock nhún vai. “Thật khốn khổ. Một nửa số các chú bị đau, ho và khạc nhổ suốt. Hôm nay bố cháu yếu đến nỗi gục ngay khi bắt đầu việc nặng. Bác hy vọng sau ít ngày nghỉ sẽ lại thấy bố cháu trên bến tàu.”

Sáng hôm sau Nathanael không rời nổi giường. Tiếng anh khò khè. Hargreaves mang sang trà nóng pha mật rồi nán lại. Họ nói nhỏ bằng giọng thân mật và đôi lần chị ta phá lên cười. Nhưng khi chị sang lại vào sáng hôm sau thì Nathanael sốt nặng, không còn hứng thú để giỡn hay nịnh nữa; thế là chị ta bỏ về ngay. Lưỡi và cổ họng anh đỏ; anh đòi uống luôn miêng.

Đêm ấy anh mơ, có lần kêu toáng lên rằng bọn Đan Mạch khốn kiếp đang tiến vào sông Thames trên những chiếc thuyền cao mũi của chúng. Ngực anh đầy những đờm không tống ra được làm anh thấy càng khó thở hơn. Sáng ra Rob chạy vội sang nhà bên cạnh tìm người đàn bà góa nhưng Della Hargreaves không chịu sang. “Tao thấy thì như là bệnh lao. Mà lao thì dễ lây lắm,” chị ta nói rồi đóng cửa lại.

Không còn biết phải cầu cứu chỗ nào, Rob lại đến Phường hội lần nữa. Richard Bukerel nghiêm trọng lắng nghe nó rồi theo nó về nhà, ngồi dưới chân giường Nathanael một lúc, nhìn khuôn mặt đỏ và nghe tiếng thở khò khè của anh. Đơn giản nhất là mời một linh mục đến; ông ta sẽ chẳng phải làm gì hơn là thắp nến và cầu nguyện; còn Bukerel có thể đi về mà không sợ bị chê trách. Ông từng là thợ cả thành công nhiều năm, nhưng làm trưởng Phường hội thợ mộc London thì quá sức, khi Phường hội eo hẹp về tài chính mà cứ phải làm nhiều hơn những gì có thể đạt được.

Nhưng ông biết cái gì sẽ xảy đến với gia đình này nếu người bố không sống sót. Thế là ông chạy vội đi, lấy quỹ Phường hội để mời Thomas Ferraton - một bác sĩ.

Tối hôm ấy Bukerel bị bà vợ đay nghiến. “Bác sĩ cơ à? Nathanael Cole mới thành quý tộc à? Nếu một ông lang đủ tốt để chữa cho bất kỳ người nghèo nào ở London thì việc gì mà Nathanael Cole cần đến bác sĩ cho tốn tiền của chúng ta?”

Bukerel chỉ còn biết lẩm bẩm xin lỗi vì vợ ông nói đúng. Chỉ quý tộc với thương gia giàu có mới cần đến các bác sĩ đắt tiền. Tiện dân đã có thầy lang. Đôi khi thợ thuyền chỉ tốn nửa penny cho thợ cạo, kiêm lang băm, trích máu hoặc điều trị bằng những cách đáng ngờ. Theo Bukerel thì bọn người chữa bệnh này đều như lũ đĩa khốn kiếp, hại nhiều hơn là hữu ích. Nhưng vì muốn dùng mọi cách giúp Cole nên trong một lúc yếu lòng ông đã mời thầy thuốc, tiêu bég tiền đóng góp khó nhọc của những thợ mộc chân chính.

Khi Ferraton đến nhà gia đình Cole thì ông ta rất lạc quan và tự tin. Ông ta là hình ảnh của thành công. Cái quần chèn may rất đẹp; cổ tay áo thêu của ông làm Rob đau nhói vì gợi nó nhớ đến mẹ. Cái áo khoác bằng hàng len tuyệt hảo nhồi bông dính máu khô và vệt ói của người bệnh mà ông ta tự hào tin rằng đó là sự quảng cáo xứng đáng cho nghề nghiệp của mình.

Là một thứ đẽ bọc điều - bố ông ta, John Ferraton, là nhà buôn hàng len - ông ta theo học một bác sĩ tên là Paul Willibald xuất thân từ một gia đình giàu có nhờ rèn và bán những thanh kiếm tốt. Willibald chuyên chữa trị cho

nhà giàu, và khi học xong, ông Ferraton cũng hành nghề như thế. Ông ta tuy không diễm phúc có được các bệnh nhân quý tộc nhưng rất gần gũi với giới có của và cùng quan niệm cũng như sở thích với họ. Ông ta chưa từng chữa cho một ai trong giới thợ thuyền nên nghĩ rằng Bukerel tìm mình cho ai đó giàu có lắm. Ông ta biết ngay Nathanael Cole là một con bệnh hèn mọn nhưng không muốn mang tiếng nên quyết định chấm dứt cái công việc chán ngấy này càng sớm càng hay.

Ông thận trọng sờ trán Nathanael, nhìn mắt và ngửi hơi thở của anh.

“Sẽ khỏi thôi mà,” ông nói.

“Bệnh gì thế ạ?” Bukerel hỏi nhưng ông không đáp.

Rob linh cảm rằng ông bác sĩ này không biết.

“Viêm yết hầu,” sau rớt ông ta nói, chỉ vào những vết viêm trắng ở cái họng đỏ hồng của bố nó. “Viêm có mủ một thời gian ngắn thôi. Không có gì nữa đâu.” Rồi ông ta cột ga rô vào tay Nathanael, gọng gàng trích [Z], cho máu chảy ra.

“Nhờ anh ta không đỡ thì sao?” Bukerel hỏi.

Viên bác sĩ nhăn trán. Ông ta sẽ không trở lại căn nhà nghèo hèn này. “Tốt nhất tôi trích máu anh ta lần nữa cho chắc,” ông ta đáp rồi trích máu tay kia. Ông ta để lại một lọ con calomel [8] lỏng trộn với lau sậy đã đốt thành than, tính Bukerel tiền thăm bệnh, tiền trích máu và tiền thuốc.

“Đồ đĩa hút máu! Đồ giết người đội lốt thượng lưu!” Bukerel lăm bằm nhìn theo ông bác sĩ. Rồi người trưởng Phường hội hứa với Rob sẽ cho một bà đến săn sóc bố nó.

Mặt trắng bệch còn người thì khô héo, Nathanael nằm không động đậy. Nhiều lần anh tưởng thẳng con là Agnes, vợ anh, nên tìm cách nắm tay nó. Nhưng Rob nhớ lại những gì bố nó đã làm khi mẹ ốm nên rút tay ra.

Lát sau nó xấu hổ nên quay lại bên giường bố. Nó cầm bàn tay chai sạn vì cửa xẻ của Nathanael, nhìn các móng tay giống như sừng, gãy và cáu bần, nhìn mái tóc đen cứng của bố. Giống hệt như lần nắm tay mẹ, nó biết chắc bố nó giống như ngọn nến đang tàn lụi. Không hiểu sao mà nó chắc chắn rằng bố đang chết dần và sẽ không lâu nữa. Một nỗi kinh hoàng căm lạng ập xuống nó hệt như lần mẹ chờ chết.

Phía bên kia giường là các em nó. Rob tuy còn nhỏ nhưng thông minh, một ý nghĩ chợt lẩn át cả nỗi đau buồn và sợ hãi. Nó lắc tay bố, hỏi to: “Chúng con rồi sẽ ra sao?” Nhưng không có ai trả lời nó nữa.

Chia người và của

Lần này vì người quá cố là hội viên chứ không chỉ là thân nhân nên Phường hội trả tiền để hát năm mươi bài thánh ca. Hai ngày sau tang lễ, Della Hargreaves dọn đi Ramsey ở với người anh. Ông Richard Bukerel kéo Rob ra nói chuyện riêng.

“Khi không còn thân nhân nữa thì con cái và tài sản phải phân chia ra,” ông trưởng Phường hội nói dứt khoát. “Phường hội sẽ lo những chuyện này.”

Rob chết lặng đi.

Chiều đến nó tìm cách giải thích cho lũ em. Chỉ có thằng Samuel hiểu anh nó muốn nói gì.

“Mình bị chia ra hay sao?”

“Phải.”

“Mỗi đứa ở với một gia đình khác nhau hay sao?”

“Phải.”

Tối hôm ấy có đứa nào đó chui vào giường nó. Rob nghĩ chắc là Willum hay Anne Mary nhưng lại là Samuel. Thằng nhỏ ôm anh chặt cứng như để khỏi bị té. “Em muốn bố mẹ sống lại, anh Rob.”

“Anh cũng thế.” Nó vuốt ve đôi vai xương xẩu vẫn hay bị nó cho ăn đòn.

Chúng nó khóc một hồi.

“Mình sẽ không bao giờ còn gặp nhau nữa, phải không?”

Nó lạnh cả người. “Ôi, Samuel! Đừng nghĩ quẩn thế. Dĩ nhiên là hai anh em mình vẫn sẽ sống trong xóm này thôi và sẽ gặp nhau dài dài. Mình vẫn là anh em mãi mãi.”

Thằng Samuel yên tâm, ngủ được một giấc; nhưng trước khi trời sáng nó đá ra giường, cứ như là nó còn bé hơn cả thằng Jonathan! Sáng ra nó mắc

cỡ không dám nhìn Rob. Không phải nó lo bò trắng răng, vì nó là đứa đầu tiên phải đi. Phần lớn trong Thập nhân đội của bố nó vẫn còn thất nghiệp. Trong chín người này chỉ có một đủ khả năng và muốn nhận một đứa cho gia đình ông ta. Cùng với Samuel, những búa và cưa của Nathanael cũng được đem đến nhà ông Turner Home, một thợ cả ở cách đó chỉ sáu căn nhà.

Hai ngày sau một linh mục tên Ranald Lovell cùng đến với cha Kempton, người đã làm thánh lễ cho cả bố lẫn mẹ chúng. Cha Lovell nói ông được chuyển lên miền Bắc nước Anh và muốn nhận một đứa. Ông quan sát cả bọn rồi thấy thích thằng Willum. Ông cao lớn, khỏe mạnh, mái tóc vàng nhạt và đôi mắt xám mà Rob bảo rằng có cái nhìn thân mật.

Mặt trắng bệch và run rẩy, em nó chỉ còn biết gật đầu khi theo hai ông cha dạo ra khỏi nhà.

“Tạm biệt, William,” Rob nói.

Nó suy nghĩ rất lung, không biết có giữ được hai đứa nhỏ nhất chẳng. Nhưng rồi nó chia hết những thức ăn còn lại của đám tang bố; nó có đầu óc thực tiễn. Jonathan và cái áo da chên cũng như thắt lưng gài đồ nghề của bố nó được chia cho một người thợ phụ tên là Aylwyn trong Thập nhân đội của Nathanael. Khi bà Aylwyn tới, Rob giải thích rằng Jonathan đã được dạy dùng bô rồi, nhưng những lúc thằng nhỏ sợ thì vẫn cần tã. Bà ta cười, gật đầu nhận thằng nhỏ cùng với lô quần áo đã xạc xờ vì giặt.

Bà vú nhận thằng út Roger mà bà đã cho bú, cùng với đồ thêu của mẹ chúng nó. Richard Bukerel cho Rob biết như thế vì nó chưa hề gặp bà này.

Con bé Anne Mary cần phải gội đầu. Rob gội cho em rất cẩn thận như nó đã được dạy, nhưng vẫn có tí xà bông lọt vào mắt làm con bé bị xót. Nó lau khô tóc em, ôm em khi con bé khóc, gỡ mái tóc nâu màu da hải cẩu có mùi thơm như tóc mẹ.

Hôm sau vợ chồng người thợ làm bánh mì tên Haverhill đến lấy những đồ gỗ còn lành lặn và đem Anne Mary về ở phía trên cửa tiệm của họ. Năm chặt tay em gái, Rob dẫn con bé về nhà họ. Tạm biệt nhé, em gái bé bỏng. “Anh thương em, cô bé Anne Mary của anh,” nó ôm chặt em, thì thầm. Còn

con bé thì như đổ lỗi cho Rob về tất cả mọi chuyện này nên không thèm tạm biệt anh nó.

Chỉ còn lại mình Rob chẳng chút tài sản gì. Tối hôm ấy ông Bukerel đến thăm nó. Trưởng Phường hội đã ngà ngà rồi nhưng đầu óc vẫn tỉnh táo. “Có lẽ còn lâu mới tìm được cho cháu một nơi. Thời buổi khó khăn, không ai nuôi nổi một thằng nhỏ sức ăn như người lớn, nhưng lại chưa làm được việc của người lớn.” Sau một lúc trầm ngâm ông nói tiếp: “Ngày bác còn nhỏ ai cũng nói rằng nếu chúng ta có hòa bình thực sự và tổng cổ được vua Aethelred, một hôn quân đã làm hại cả thế hệ của ông ta, thì rồi sẽ khá hơn. Chúng ta hết bị nạn xâm chiếm này lại bị nạn xâm lược khác. Bọn Saxon, bọn Đan Mạch, rồi đủ loại cướp biển. Rồi bây giờ chúng ta có vua Canute, một vị vua có tài, biết giữ hòa bình. Nhưng như thế thiên nhiên mưu hại chúng ta vậy: những trận bão lớn cả mùa hè lẫn mùa đông làm chúng ta kiệt quệ. Ba năm liền mùa màng thất bát. Thợ xay không có gì để xay, thủy thủ không ra khơi được. Không ai xây cất và thợ thủ công ăn không ngồi rồi. Thời buổi khó khăn, cháu ạ. Nhưng bác sẽ tìm cho cháu một chỗ. Bác hứa.”

“Cám ơn bác trưởng Phường hội.”

Đôi mắt sẫm màu của Bukerel đầy âu lo. “Bác đã quan sát cháu, Robert Cole ạ. Bác thấy cháu lo chuyện gia đình như một người lớn. Bác sẽ đem cháu về với bác nếu như tính nết vợ bác khác bây giờ, cháu ạ.” Ông ta chớp mắt, bối rối vì nhận ra rằng rượu đã làm mình quá huyênh hoang, rồi lão đảo đứng lên. “Chúc cháu ngủ ngon, Rob J.”

“Chúc bác trưởng Phường hội ngủ ngon.”

Nó biến thành người ở ẩn. Những căn buồng gần như trống trơn là hang động của nó. Không ai mời nó ăn. Xóm giềng không thể làm ngơ nhưng giúp nó một cách miễn cưỡng. Bà Haverhill đến vào buổi sáng, mang cho nó một ổ bánh bán ế của ngày hôm qua; bà Bukerel đến vào buổi chiều, để lại một miếng pho mát nhỏ, thấy mắt nó đỏ hoe liền giảng cho nó rằng khóc lóc là cách riêng của đàn bà. Nó ra giếng công

cộng lấy nước như vẫn làm trước nay; nó muốn dọn nhà nhưng chẳng có ai bày bữa căn nhà vắng lặng đã bị lấy sạch cả đồ đạc, thành ra nó chẳng có gì để làm ngoài lo lắng và mơ mộng.

Đôi khi nó trở thành một gã trinh sát La Mã, nằm bên cửa sổ mở toang, sau bức màn cửa mẹ may, rình nghe những bí mật của thế giới thù địch. Nó nghe tiếng xe kéo ngang nhà, tiếng chó sủa, tiếng trẻ nô đùa và tiếng chim kêu.

Một lần nó nghe lỏm được một nhóm người trong Phường hội trò chuyện. “Thằng Rob Cole là một món bở đấy. Nên chộp lấy ngay đi,” Bukerel nói.

Nó nằm nghe vụng trộm đây ý thức người ta nói về mình như thể nói về ai khác.

“Ừ, nó cao gớm. Lớn lên thì làm khỏe phải biết,” Hugh Tite ngần ngừ nói.

Nếu ông Tite nhận nó thì sao nhỉ? Nó suy nghĩ về cái cảnh phải ở chung với thằng Anthony Tite mà phát khiếp. Cho nên nó không thấy phật lòng khi ông Hugh khịt mũi khinh khinh: “Phải ba năm nữa nó mới đủ lớn để thành một tay học việc mà ngay bây giờ đã ăn như ngựa rồi, trong khi London này đầy những kẻ khỏe mạnh mà bụng lép.” Rồi họ kéo nhau đi.

Hai ngày sau, đằng sau cũng cái màn cửa ấy, Rob đang ăn năn vì cái tội nghe trộm thì tiếng bà Bukerel nói chuyện với bà Haverhill về công việc trong Phường hội của chồng lại lọt vào tai nó.

“Ai cũng bảo làm trưởng Phường hội là vinh dự lắm. Có tiếng mà không có miếng. Ngược lại, có bao nhiêu thứ bó buộc đến bực mình. Tôi chán ngấy khi phải chia thực phẩm với những kẻ như cái thằng to xác mà lười trong cái nhà kia.”

“Phải làm gì với nó bây giờ?” bà Haverhill thờ dài hỏi.

“Tôi đã khuyên ông Bukerel nhà tôi nên bán nó đi như một đứa bần cùng. Ngay trong thời buổi túng cùng thì một đứa trẻ nô lệ vẫn được giá để hoàn lại cho Phường hội và tất cả chúng ta những gì đã chi cho nhà Cole.”

Nó như ngạt thở.

Bà Bukerel khịt mũi. “Mà ông trưởng Phường hội không thèm nghe,” bà chua chát. “Tôi tin rằng cuối cùng rồi cũng sẽ thuyết phục được ông ấy thôi. Nhưng nếu phải chờ lâu nữa thì chẳng đủ để bù lại những gì chúng ta đã bỏ ra đâu.”

Sau khi hai bà này đi khỏi Rob vẫn nằm sau tấm màn cửa sổ, như bị sốt, khi thì toát mồ hôi, lúc khác lại ớn lạnh.

Từ nhỏ nó đã thấy nô lệ và cho rằng dĩ nhiên thân phận họ chẳng đáng gì đến nó, vì nó được sinh ra là một người Anh tự do.

Nó còn quá trẻ để làm phu khuân vác trên bến tàu. Nhưng nó biết lũ con trai nô lệ vẫn được sử dụng trong các hầm mỏ, ở những chỗ mà đường hầm quá hẹp với thân thể người lớn. Nó cũng biết nô lệ ăn uống cực khổ và mặc rách rưới, lại còn thường bị đánh đập tàn nhẫn bằng roi da chỉ vì những vi phạm nhỏ nhặt. Rồi một khi đã thành nô lệ rồi thì cả đời là nô lệ.

Rob khóc. Cuối cùng nó lấy lại can đảm, tự nhủ rằng Dick [9] Bukerel chẳng đời nào bán nó làm nô lệ, nhưng nó sợ bà Bukerel sai người khác làm chuyện này mà không hỏi ý chồng. Bà ta hoàn toàn dám làm chuyện như thế lắm, nó tự nhủ. Chờ đợi trong ngôi nhà hoang vắng, mỗi tiếng động đều khiến nó giật mình run rẩy.

Năm ngày sau đám tang bố, năm ngày đáng sợ, có một người lạ đến gõ cửa.

“Phải mà là thằng Cole không?”

Nó thận trọng gật đầu, ngực đánh trống lảng.

“Tao là Croft. Một người tên Richard Bukerel tao gặp khi uống ở hầm rượu Bardwell đã bảo tao đến đây.”

Rob thấy ông này không trẻ không già, thân thể to béo, khuôn mặt dài đầu nắng gió với mái tóc dài của một người tự do và bộ râu quai nón xoắn tím màu đỏ.

“Tên đầy đủ của mà là gì?”

“Robert Jeremy Cole, thưa ông.”

“Mấy tuổi?”

“Chín ạ.”

“Tao là thợ cạo kiêm thầy lang, đang tìm một đứa học nghề. Mà biết thợ cạo kiêm thầy lang làm cái gì không, Cole?”

“Phải ông là một thứ bác sĩ không ạ?”

Con người to béo này cười. “Tạm thời cũng gần đúng. Bukerel cho tao biết về hoàn cảnh mày. Việc làm của tao có hấp dẫn mày không?”

Không. Nó không muốn thành ra cái thứ như con đĩa đã trích máu bố nó đến chết. Nhưng như vậy không đáng sợ bằng bị bán làm nô lệ, nên nó đáp “có” không do dự.

“Không sợ làm việc chứ?”

“Thưa ông không!”

“Thế là tốt. Bởi vì đi với tao thì sẽ làm việc khờ người đấy. Bukerel bảo rằng mày biết đọc và viết tiếng Latin, phải không?”

Nó ngần ngừ. “Nói cho đúng thì cháu biết rất ít tiếng Latin ạ.”

Ông ta mỉm cười. “Tao sẽ thử thách mày một thời gian, chú lỗi ạ. Mà có đồ dùng gì không?”

Gói đồ nhỏ nhỏ của nó đã cột sẵn sàng từ mấy ngày nay. *Mình thoát chưa?* nó tự hỏi. Ra khỏi nhà, họ leo lên một chiếc xe ngựa kỳ quái nhất mà nó mới thấy lần đầu. Hai bên chỗ ngồi là một cái cột màu trắng quấn những miếng vải dày như con rắn màu đỏ. Đó là một cái xe có mui sơn màu đỏ tươi lem nhem, vẽ hình những con cừu, sư tử, cái cân, con dê, cá, cung, cua [10]... bằng màu vàng như màu mặt trời.

Con ngựa đốm màu xám kéo họ đi xuống đường Carpenter, chạy ngang trụ sở Phường hội. Nó ngồi như chết cứng khi xe chạy qua con đường Thames ồn ào, nhìn thật nhanh người thợ cạo và giờ đây nhận thấy ông ta có

khuôn mặt xinh xắn dù mập, cái mũi to màu đỏ, cục u trên mi mắt trái và những vết nhăn mờ mờ ở đôi khóe mắt soi mói màu xanh.

Xe băng qua cây cầu nhỏ trên sông Walbrook, chạy ngang tàu ngựa của gia đình nhà Egglestan và nơi mẹ nó đã ngã quy; rồi quẹo phải, lăn lách cách trên cầu London, sang bờ Nam sông Thames. Phà bỏ neo cạnh cầu, ngay phía sau là cái chợ to Southwark, nơi có hàng nhập vào nước Anh. Xe lăn qua những nhà kho bị bọn Đan Mạch tàn phá và đốt cháy mới được xây dựng lại. Trên con đê là một dãy nhà tranh vách đất lụp xụp của dân chài, dân lái xuồng và phu bến tàu, hai nhà trọ tồi tàn cho lái buôn đến họp chợ; và hai bên con đường rộng đắp cao là những ngôi nhà to, dinh cơ của các thương nhân giàu có của London, tất cả đều vườn tược nguy nga, một vài cái được dựng trên cọc giữa khu đầm lầy. Nó nhận ra ngôi nhà của người xuất khẩu đồ thêu mà mẹ vẫn giao hàng. Nó chưa bao giờ đi quá chỗ này.

“Ông Croft ơ?”

Người đàn ông cau mày. “Không, không. Chưa ai gọi tao là ông Croft cả. Người ta toàn gọi là bác phó cạo, vì đó là nghề của tao.”

“Vâng, thưa bác phó cạo,” nó nói. Chỉ lát sau cả khu Southwark đã nằm sau lưng và nó càng hoang mang khi nhận ra rằng họ đã đi vào một thế giới xa lạ.

“Thưa bác phó cạo, mình đi đâu đây?” nó không nén nổi tiếng kêu.

Ông ta mỉm cười, giật nhẹ dây cương, con ngựa đốm xám tể nước kiệu.

“Đi bất cứ đâu.”

LỜI CẢM TẠ

Trong truyện *Người thầy thuốc* chỉ có hai nhân vật là có thật: Ibn Sina và al-Juzjani. Tuy có một ông vua tên là Ala-al-Dawla thật, nhưng về ông ta chỉ còn ghi lại một ít chi tiết, thành ra nhân vật mang tên này là hình ảnh pha trộn của nhiều Shah.

Maristan được xây dựng theo các miêu tả nhà thương Azudi ở Baghdad thời Trung Cổ.

Nhiều đặc điểm và dữ kiện của thế kỷ 11 đã vĩnh viễn mất đi. Chỗ nào không còn tư liệu hoặc không rõ ràng tôi đã không ngần ngại hư cấu; vì thế đây là một sản phẩm của tưởng tượng chứ không phải là trích đoạn lịch sử. Mọi nhầm lẫn dù lớn hay nhỏ nảy ra trong quá trình cố gắng của tôi nhằm xây dựng lại trung thực đặc điểm không gian và thời gian đều là do người viết. Tuy nhiên quyển tiểu thuyết này không thể hình thành nếu không có sự giúp đỡ của nhiều thư viện và cá nhân.

Cám ơn Đại học Massachusetts ở Amherst đã cho phép sử dụng mọi thư viện, cám ơn bà Edla Holm của Văn phòng cho mượn sách liên thư viện của đại học này.

Thư viện Lamar Soutter thuộc Trung tâm Y học ở Worcester của Đại học Massachusetts là một nguồn quý báu về các sách y khoa và lịch sử y khoa.

Trường Cao đẳng Smith đã có nhã ý cho tôi vào hàng "sinh viên dự thính", nhờ đó tôi có thể sử dụng thư viện William Allan Neilson. Thư viện Werner Josten của Smith's Center for the Performing Arts là một nguồn tuyệt vời về những chi tiết liên hệ đến y phục.

Bà Barbara Zalenski, thủ thư của thư viện Belding Memorial ở Ashfield, Massachusetts lúc nào cũng đáp ứng yêu cầu mượn sách của tôi dù phải tốn công tìm lâu đến đâu.

Bà Kathleen M. Johnson, thủ thư của thư viện Baker, trường Harvard's Graduate School of Business Administration, đã gửi cho tôi

tài liệu về lịch sử tiền tệ thời Trung cổ.

Tôi cũng cảm ơn thủ thư các thư viện của trường Cao đẳng Amherst, trường Cao đẳng Mount Holyoke, Đại học Brandeis, Đại học Clark, thư viện Countway về y khoa của trường Y khoa Harvard, thư viện công cộng Boston và Boston Library Consortium.

Richard M. Jakowski, bác sĩ thú y, nhà bệnh lý học về thú vật tại Trung tâm Thú y Tufts - New England, North Grafton, Massachusetts, đã giúp tôi so sánh nội tạng heo và người, cũng như tiến sĩ Susan L. Carpenter tại Rocky Mountains Laboratories of the National Institute of Health ở Hamilton, Montana.

Giáo sĩ Do Thái Louis A. Rieser của Temple Israel ở Greenfield, Massachusetts trong nhiều năm đã trả lời nhiều thắc mắc của tôi về đạo Do Thái.

Giáo sĩ Do Thái Philip Kaplan của Associated Synagogues ở Boston đã giải thích cho tôi về những chi tiết trong việc mổ thịt thú vật sao cho *kasher*.

Graduate School of Geography thuộc Đại học Clark đã cung cấp cho tôi bản đồ và thông tin về địa lý thế giới vào thế kỷ 11.

Phân khoa Classics Department tại trường Cao đẳng Holy Cross, Worcester, Massachusetts đã dịch giúp tôi nhiều tư liệu bằng tiếng Latin.

Robert Ruhloff, thợ rèn ở Ashfield, Massachusetts đã cho tôi biết về loại thép màu xanh có vân ở Ấn Độ và đã giới thiệu cho tôi tờ *The Anvil's Ring* - tạp chí của thợ rèn.

Thống đốc Phelps ở Ashfield đã kể cho tôi biết chuyện câu cá hồi ở Scotland.

Bà Patricia Schartle Myrer, nguyên đại diện của tôi (nay đã về hưu), cũng như người đại diện hiện nay, ông Eugene H. Winick của McIntosh and Otis, Inc., đã động viên khi tôi viết quyển truyện này. Chính bà Pat

Myrer đã gợi ý tôi viết về một dòng họ bác sĩ qua nhiều đời; gợi ý này đã dẫn đến việc viết tác phẩm tiếp theo quyển *Người thầy thuốc* đang được tiến hành.

Ông Herman Gollob của Nhà xuất bản Simon & Schuster là một người biên tập lý tưởng: không khoan nhượng và đòi hỏi cao nhưng luôn nhiệt tình và sẵn sàng giúp đỡ. Qua việc phát hành quyển truyện này ông đã thu thập được kinh nghiệm quý báu.

Lise Gordon đã giúp tôi trong việc duyệt bản thảo, đã cùng với Jamie Gordon, Vincent Rico, Michael Gordon và Wendi Gordon dành cho tôi nhiều yêu thương và hỗ trợ về mặt tinh thần.

Và, như từ trước tới nay, Lorraine Gordon đã luôn góp ý, phê bình, nhận xét có tình có lý, luôn kiên nhẫn và tỏ bày niềm yêu thương mà tôi hằng vô cùng biết ơn.

Ashfield, Massachusetts

26.12.1985

CHÚ THÍCH

[1] Ba đoạn 1, 2 và 4 – cũng như các đoạn Kinh Thánh trong bản dịch này đều trích từ quyển Kinh Thánh của tòa Tổng Giám mục thành phố Hồ Chí Minh, ấn bản 1998 (Mọi chú thích đều của người dịch – Lê Chu Cầu).

[2] Willum: gọi tắt của William.

[3] German: tên chỉ chung các bộ tộc Đức thời bấy giờ.

[4] Các bộ tộc Angle và Saxon từ Đức, bộ tộc Jute từ Đan Mạch đến chiếm và định cư trên hòn đảo Anh quốc, nên về sau có khái niệm “Anglo-Saxon” để chỉ dân Anh, tiếng Anh cổ, văn hóa Anh cổ...

[5] Briton: những cư dân cổ trên hòn đảo Anh quốc, từ đó có tên Britain (chỉ nước Anh).

[6] Prima Cohors Britanniae Londonii (tiếng Latin): đệ nhất binh đoàn của London thuộc tỉnh Britannia (bấy giờ Anh - Britannia - là một tỉnh của đế quốc La Mã).

[7] Thời bấy giờ người ta cho rằng bệnh tật là do máu bị nhiễm độc, trích máu (độc) đi, sẽ khỏi.

[8] Calomel: khinh phấn, dùng trong thuốc xổ và thuốc diệt nấm.

[9] Dick: gọi tắt của Richard.

[10] Mười hai hình của cung hoàng đạo.

Table of Contents

[Thông tin ebook](#)

[Giới thiệu về tác phẩm](#)

[Nhận xét về tác phẩm](#)

[Giới thiệu về tác giả](#)

[Mục lục](#)

[PHẦN MỘT - THẺNG NHỎ HỌC VIỆC CỦA BÁC PHÓ CẠO](#)

[01 - Con quý ở London](#)

[02 - Một gia đình phường hội](#)

[03 - Chia người và của](#)

[Lời cảm tạ](#)

[Chú thích](#)